TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc**
Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST Ngày: 03/9/2025. V/v: "Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - PHÚ THỌ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Thành và ông Nguyễn Việt Tú.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Hà Thị Phương Chinh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 6 - Phú Thọ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Phú Thọ tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga - Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 09/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2025 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2025/QĐST – HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị P, sinh năm 1990

Địa chỉ: Khu X, xã T, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Giang Văn H, sinh năm 1981

Địa chỉ: Khu X, xã T, tỉnh Phú Thọ.

(Chị P xin giải quyết vắng mặt, anh H vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1,Tại đơn khởi kiện ngày 10/7/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Thị Phương trình B: Chị và anh Giang Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 06/3/2009 tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ (nay là UBND xã T, tỉnh Phú Thọ). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại khu X, xã T, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến tháng 8/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có

tiếng nói chung, không hợp nhau, không bảo ban được nhau nên chung sống không hạnh phúc. Khi vợ chồng mâu thuẫn hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Kể từ ngày 05/3/2024 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh H có 03 con chung là cháu Giang Tuấn T, sinh ngày 31/10/2009; cháu Giang Tuấn T1, sinh ngày 13/01/2012 và cháu Giang Quỳnh C, sinh ngày 04/5/2016. Hiện nay cháu T, cháu T1 đang ở cùng anh H, cháu C đang ở cùng chị. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C và nhất trí giao cháu T, cháu T1 cho anh H được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi dưỡng cháu G Tuấn T cùng anh H là 2.000.000đ/ tháng, kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu T thành niên (đủ 18 tuổi). Phương thức cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị P không yêu cầu giải quyết.

2, P1 bị đơn anh Giang Văn H: Toà án nhân dân khu vực 6 – Phú Thọ đã gửi giấy báo làm việc nhiều lần nhưng anh H đều vắng mặt.

3, Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/7/2025 bà Kiều Thị T2 (mẹ đẻ anh H) trình bày: Chị P và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 06/3/2009 tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ (nay là UBND xã T, tỉnh Phú Thọ). Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn chị P về chung sống cùng anh H tại khu X, xã P (nay là xã T). Quá trình chung sống anh chị hoà thuận hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không bảo ban được nhau trong cuộc sống vợ chồng, không hợp nhau nên chung sống không hạnh phúc. Đến đầu năm 2024 chị P về nhà bố mẹ đẻ chị P ở, từ đó không quay về chung sống cùng anh H nữa. Anh chị ly thân từ đó đến nay, mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai. Khi anh chị mâu thuẫn gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị P xin ly hôn anh H bà mong muốn anh chị quay về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung. Nếu chị P kiên quyết xin ly hôn bà đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật. Chị P và anh H có 03 con chung là cháu Giang Tuấn T, sinh ngày 31/10/2009; cháu Giang Tuấn T1, sinh ngày 13/01/2012 và cháu Giang Quỳnh C, sinh ngày 04/5/2016. Hiện nay cháu T, cháu T1 đang ở cùng anh H và vợ chồng bà. Còn cháu C đang ở cùng chị P. Trường hợp anh chị ly hôn bà đề nghị Toà án giao cháu C cho chị P nuôi dưỡng và giao cháu T, cháu T1 cho anh H được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Vợ chồng bà có nhà cửa đất đai ổn định đảm bảo chỗ ăn ở cho bố con anh H và bà sẽ có trách nhiệm giúp đỡ anh H trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T, cháu T1.

4, Nguyện vọng của cháu Giang Tuấn T1 và cháu Giang Quỳnh C: Cháu T1 có nguyện vọng xin được ở với anh H, cháu C có nguyện vọng xin được ở với chị P. Đối với cháu T, Tòa án cùng đại diện chính quyền địa phương đến nhà anh H để làm việc, tuy nhiên cháu T đi làm cùng anh H, không có nhà nên không có ý kiến trình bày của cháu T trong hồ sơ vụ án. Qua làm việc với bà Kiều Thị T2 (là mẹ đẻ anh H), bà T2 cho biết cháu T hiện ở cùng anh H và bà, cháu T có nói với bà nếu bố mẹ cháu ly hôn thì nguyện vọng của cháu là xin được ở với anh H.

5, Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Phú Thọ ngày 29/7/2025 được đại diện chính quyền địa phương cung cấp: Chị P và anh H có đăng ký kết hôn ngày 06/3/2009 tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ (nay là UBND xã T, tỉnh Phú Thọ). Trước khi kết hôn anh chị được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn chị P về chung sống cùng anh H tại khu X, xã T, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống anh chị hoà thuận hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau, không bảo ban được nhau trong cuộc sống vợ chồng nên chung sống không hạnh phúc. Đến đầu năm 2024 khi anh chị mâu thuẫn trở nên trầm trọng, chị P đã về nhà bố mẹ đẻ chị ở từ đó đến nay không quay về chung sống cùng anh H nữa, anh chị sống mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Khi anh chị phát sinh mâu thuẫn, hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Anh chị có 03 con chung là cháu Giang Tuấn T, sinh ngày 31/10/2009; cháu Giang Tuấn T1, sinh ngày 13/01/2012 và cháu Giang Quỳnh C, sinh ngày 04/5/2016. Hiện nay cháu T, cháu T1 đang ở cùng anh H, cháu C đang ở cùng chị P. Nay chị P xin ly hôn anh H, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX vụ việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì, bị đơn vi phạm về nghĩa vụ quy định tại khoản 15, 16 Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật tố tụng dân sự số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị P được ly hôn anh Giang Văn H.

Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là cháu Giang Tuấn T, sinh ngày 31/10/2009 và cháu Giang Tuấn T1, sinh ngày 13/01/2012 cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu T, cháu T1 thành niên (đủ 18 tuổi). Giao con chung chưa thành niên là cháu Giang Quỳnh C, sinh ngày 04/5/2016 cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu C thành niên (đủ 18 tuổi). Chị P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu G Tuấn T cùng anh H là 2.000.000đ/ tháng. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 09 năm 2025 đến khi cháu T thành niên (đủ 18 tuổi). Phương thức cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng. Chị P, anh H được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi cháu Giang Quỳnh C cùng chị P do chị P không yêu cầu.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị P không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Đỗ Thị P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo định kỳ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh H có hộ khẩu thường trú tại khu X, xã T, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật tố tụng dân sự số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Phú Thọ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Chị P có đơn xin được giải quyết xét xử vắng mặt. Phía anh H đã được Toà án gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh H vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 6 – Phú Thọ tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị P và anh H là hoàn toàn hợp pháp được UBND xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ (nay là UBND xã T, tỉnh Phú Thọ) cho đăng ký kết hôn ngày 06/3/2009 nhưng thực sự tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã có vết rạn nứt, chị P cho rằng quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến tháng 8/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, không hợp nhau, không bảo ban được nhau nên chung sống không hạnh phúc. Khi vợ chồng mâu thuẫn hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Kể từ ngày 05/3/2024 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Phía anh H được Tòa án đã báo gọi nhiều lần, anh H có biết việc Tòa án đang giải quyết việc ly hôn giữa chị P và anh nhưng anh không đến Tòa án làm việc để thể hiện quan điểm của mình. Mẹ đẻ anh H là bà Kiều Thị T2 xác nhận chị P và anh H chung sống anh chị hoà thuận hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Đến đầu năm 2024 chị P bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị P ở, từ đó không quay về chung sống cùng anh H nữa. Anh chị ly thân từ đó đến nay, mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai. Tòa án đã tiến hành xác minh về quan hệ hôn nhân của chị P và anh H được đại diện chính quyền địa phương cung cấp anh chị hoà thuận hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Đến đầu năm 2024 khi anh chị mâu thuẫn trở nên trầm trọng, chị P2 bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở từ đó đến nay không quay về chung sống cùng anh H nữa. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị P và anh H đã mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài chỉ gây đau khổ cho cả hai bên, làm cho anh chị sống không đem lại hạnh phúc, không còn tình yêu thương. Vì vậy cần xử cho chị P được ly hôn anh H là phù hợp với điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị P, anh H có 03 con chung là cháu Giang Tuấn T, sinh ngày 31/10/2009; cháu Giang Tuấn T1, sinh ngày 13/01/2012 và cháu Giang Quỳnh C, sinh ngày 04/5/2016. Khi ly hôn chị P đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C và nhất trí giao cháu T, cháu T1 cho anh H được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi dưỡng cháu G Tuấn T cùng anh H là 2.000.000đ/ tháng. Kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu T thành niên (đủ 18 tuổi). Phương thức cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng. Xét thấy hiện nay cháu T, cháu T1 đang ở cùng anh H, cháu C đang ở cùng chị P. Nguyện vọng của cháu T1 xin được ở với anh H, cháu C xin được ở với chị P. Đối với cháu T, tuy không có ý kiến trình bày nhưng hiện nay đang ở cùng anh H. Vì vậy để đảm bảo chỗ ăn ở, sinh hoạt ổn định và học tập của các cháu khi ly hôn cần giao cháu T, cháu T1 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu C cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, chị P cấp dưỡng nuôi cháu G Tuấn T cùng anh H là 2.000.000đ/ tháng. Kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu T thành niên (đủ 18 tuổi). Anh H không

phải cấp dưỡng nuôi cháu Giang Quỳnh C cùng chị P do chị P không yêu cầu là phù hợp.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị P không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật tố tụng dân sự số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị P được ly hôn anh Giang Văn H.

[2]. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là cháu Giang Tuấn T, sinh ngày 31/10/2009 và cháu Giang Tuấn T1, sinh ngày 13/01/2012 cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu T, cháu T1 thành niên (đủ 18 tuổi). Giao con chung chưa thành niên là cháu Giang Quỳnh C, sinh ngày 04/5/2016 cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu C thành niên (đủ 18 tuổi). Chị P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu G Tuấn T cùng anh H là 2.000.000đ/ tháng. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 09 năm 2025 đến khi cháu T thành niên (đủ 18 tuổi). Phương thức cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng. Chị P, anh H được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi cháu Giang Quỳnh C cùng chị P do chị P không yêu cầu.

[3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị P không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Đỗ Thị P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo định kỳ. Xác nhận chị P đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo

biên lai số 0000201 ngày 11/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Chị P còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết bản án để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND khu vực 6 - Phú Thọ;
- Phòng THADS khu vực 6 - Phú Thọ;
- Thi hành án DS tỉnh P;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đinh Thị Thu Huyền